

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05-35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 23 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Diên Hy	Chủ tịch	
Ông Trần Bình Dương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Ủy viên	
Ông Naoya Saito	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 07/07/2017)
Ông Yuichi Kato	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 05/07/2017)
Ông Domingo Alonso	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Bình Dương	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Khoa Diệu Uyên	Giám đốc Nhân sự	
Bà Đặng Thị Hương	Giám đốc Tài chính	(Miễn nhiệm ngày 31/10/2017)
Ông Phan Thanh Toàn	Giám đốc Công nghệ	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2017)
Bà Lê Thị Bích Thủy	Giám đốc điều hành	(Bỏ nhiệm ngày 11/12/2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Khuê	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Hồng	Ủy viên Ban Kiểm soát

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Truyền thông VMG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được lập ngày 23 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC****Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

**Phạm Thị Xuân Thu**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1462-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		557.047.711.137	1.122.879.045.683
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	74.446.257.809	154.617.651.634
111	1. Tiền		22.446.257.809	58.117.651.634
112	2. Các khoản tương đương tiền		52.000.000.000	96.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	248.853.313.194	333.571.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		248.853.313.194	333.571.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		161.323.172.178	524.319.807.866
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	147.929.505.186	460.462.454.466
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.828.887.764	6.061.031.380
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.564.779.228	57.796.322.020
140	IV. Hàng tồn kho	8	52.894.543.202	101.446.128.901
141	1. Hàng tồn kho		52.894.543.202	101.446.128.901
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.530.424.754	8.924.457.282
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	12.806.978.801	8.586.074.685
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.723.445.953	338.382.597
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		153.206.936.301	55.922.567.872
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.225.627.902	1.799.268.749
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.225.627.902	1.799.268.749
220	II. Tài sản cố định		28.809.184.143	37.246.297.046
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	24.785.684.148	33.111.964.131
222	- Nguyên giá		60.438.409.552	68.820.665.084
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.652.725.404)	(35.708.700.953)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.023.499.995	4.134.332.915
228	- Nguyên giá		7.732.933.000	9.755.145.920
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.709.433.005)	(5.620.813.005)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	116.869.655.005	7.925.926.591
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.219.655.005	7.275.926.591
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		650.000.000	650.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		110.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.302.469.251	8.951.075.486
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.415.677.120	4.004.249.136
269	2. Lợi thế thương mại	12	3.886.792.131	4.946.826.350
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		710.254.647.438	1.178.801.613.555

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		165.272.727.423	489.246.370.093
310	I. Nợ ngắn hạn		158.572.066.324	482.888.374.193
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	65.893.344.204	236.321.770.297
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.698.091.299	44.492.502.386
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	22.821.512.168	16.475.673.600
314	4. Phải trả người lao động		7.420.342.020	9.325.065.704
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	16.588.853.272	17.670.684.139
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.083.875.237	84.318.301.985
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	19.999.998.984	61.055.631.864
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.066.049.140	13.228.744.218
330	II. Nợ dài hạn		6.700.661.099	6.357.995.900
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	700.661.099	357.995.900
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.a	6.000.000.000	6.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		544.981.920.015	689.555.243.462
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	544.981.920.015	689.555.243.462
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		203.930.000.000	203.930.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		203.930.000.000	203.930.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		239.364.150.000	239.364.150.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(111.200.000)	(111.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.724.317.175	1.724.312.449
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.477.281.360	137.278.218.094
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		50.988.328.214	54.844.477.470
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(2.511.046.854)	82.433.740.624
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		51.597.371.480	107.369.762.919
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		710.254.647.438	1.178.801.613.555

Vũ Thị Minh Hiền
Người lập

Dương Thị Thương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.236.200.734.581	7.306.199.884.171
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		131.373.811	2.900.074
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.236.069.360.770	7.306.196.984.097
11	4. Giá vốn hàng bán	21	4.191.915.745.503	7.161.273.422.449
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44.153.615.267	144.923.561.648
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	452.753.296.036	30.831.763.229
22	7. Chi phí tài chính	23	47.925.752.215	3.011.649.179
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.406.509.241	3.010.247.477
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(1.054.429.116)	(4.838.703.531)
25	9. Chi phí bán hàng	24	9.888.423.484	13.097.649.372
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31.554.697.710	39.069.692.203
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		406.483.608.778	115.737.630.592
31	12. Thu nhập khác	26	2.038.365.336	443.887.013
32	13. Chi phí khác		94.363.715	12.490.883
40	14. Lợi nhuận khác		1.944.001.621	431.396.130
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		408.427.610.399	116.169.026.722
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	86.964.163.169	18.801.554.321
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27b	-	6.000.000.000
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>321.463.447.230</u>	<u>91.367.472.401</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		316.664.795.156	82.433.740.624
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.798.652.074	8.933.731.777
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	15.531	4.043

Vũ Thị Minh Hiền
Người lập

Dương Thị Thương
Kế toán trưởng

Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		408.427.610.399	116.169.026.722
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.395.754.396	12.318.442.374
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		649.735	(7.840.697)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(405.091.246.787)	(26.333.425.036)
06	- Chi phí lãi vay		2.406.509.241	3.010.247.477
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.139.276.984	105.156.450.840
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.612.076.922)	(249.945.377.445)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(28.095.435.336)	(12.707.837.657)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(76.872.942.875)	151.815.958.428
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.457.425.355)	(6.754.863.834)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.450.425.908)	(2.966.330.810)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(70.808.747.831)	(26.192.312.398)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.358.812.647)	(4.047.284.869)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(180.516.589.890)	(45.641.597.745)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.379.626.816)	(9.786.730.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		661.363.636	628.181.819
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(601.253.313.194)	(501.045.138.889)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		495.971.000.000	340.537.755.556
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.210.625.117)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		467.907.448.213	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.725.684.417	28.401.202.751
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		392.632.556.256	(146.475.353.971)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	67.050.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.207.872.996.989	3.206.870.370.138
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.104.460.044.451)	(3.154.976.832.051)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(395.699.737.500)	(84.369.211.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(292.286.784.962)	34.574.326.587

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(80.170.818.596)	(157.542.625.129)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		154.617.651.634	312.152.436.066
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(575.229)	7.840.697
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	74.446.257.809	154.617.651.634



Vũ Thị Minh Hiền
Người lập



Dương Thị Thương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101883619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2006, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 23 tháng 03 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 203.930.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 203.930.000.000 đồng; tương đương 20.393.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ truyền thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cổng thông tin (không hoạt động báo chí);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Dịch vụ trò chơi trực tuyến; Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ); Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam;
- Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- Sản xuất, mua bán, tổ chức các chương trình phát thanh truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các chương trình Nhà nước cấm);
- Dịch vụ vui chơi, giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm);
- Dịch vụ nghiên cứu thị trường;
- Thực hiện quyền nhập khẩu phần mềm giải trí điện tử (không bao gồm phương tiện lưu trữ thông tin đã ghi) và bộ điều khiển trò chơi video có mã HS 9504;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu và lợi nhuận gộp năm 2017 giảm mạnh so với năm 2016 vì các nguyên nhân sau:

- Trong năm, Công ty không phát sinh doanh thu dịch vụ SMS từ đầu số 997 do đối tác sở hữu đầu số đơn phương chấm dứt hợp đồng trong khi hiệu lực của hợp đồng có thời hạn đến năm 2023. Năm trước doanh thu phát sinh từ việc khai thác đầu số này là 48 tỷ đồng.
- Ngoài ra các dịch vụ truyền thông khác như dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ nội dung cũng sụt giảm do thị trường truyền thông gặp nhiều khó khăn, nguồn doanh thu thu được không đủ bù đắp hết các chi phí hoạt động trong năm.

Trong Quý 2 năm 2017, VMG đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (Công ty con EPAY) cho Hiệp hội đầu tư Global payment service. Lợi nhuận từ giao dịch chuyển nhượng vốn đầu tư này là 373,78 tỷ đồng và được ghi nhận vào kết quả hoạt động tài chính trong năm, làm cho tổng lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty tăng đột biến so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có 03 công ty con và đều được hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (*)	Tầng 3, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	0,00%	0,00%	Dịch vụ thanh toán điện tử
Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	Tầng 7, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	50,5%	50,5%	Thực hiện quyền nhập khẩu phần mềm giải trí điện tử và bộ điều khiển trò chơi video
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	Tầng 3, Tòa nhà Viễn Đông, 36 Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	51,0%	51,0%	Dịch vụ truyền thông

(*) Ngày 16/05/2017, Công ty Cổ phần Truyền thông VMG đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) cho Hiệp hội đầu tư Global payment service. Tổng giá trị chuyển nhượng của hợp đồng là: 519.187.815.751 đồng, giá gốc khoản đầu tư vào Công ty con là: 74.700.000.000 đồng, chi phí liên quan đến việc bán công ty con là: 45.518.013.239 đồng. Lợi nhuận từ việc bán khoản đầu tư này là: 398.969.802.512 đồng. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 16/05/2017 tương ứng với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG trong Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) là 62,25%.

Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Tầng 6, toà nhà Như Nguyễn, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	25,73%	25,73%	Dịch vụ truyền thông
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Tầng 4, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	20,00%	20,00%	Thương mại điện tử, dịch vụ loyalty

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ đã thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	1,5 - 05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 04 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không khấu hao
- Phần mềm máy tính	1,5 - 03 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận. Công ty phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo chốt quyền cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	404.334.334	1.386.987.423
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.041.923.475	56.730.664.211
Các khoản tương đương tiền (*)	52.000.000.000	96.500.000.000
	74.446.257.809	154.617.651.634

(*) Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc 03 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5%.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	248.853.313.194	248.853.313.194	333.571.000.000	333.571.000.000
Đầu tư dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	110.000.000.000	110.000.000.000	-	-
	358.853.313.194	358.853.313.194	333.571.000.000	333.571.000.000

Tại ngày 31/12/2017:

(*) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, có giá trị từ 50.000.000 VND đến 50.000.000.000 VND, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,0%/năm đến 7,3%/năm.

(**) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng, có giá trị 50.000.000.000 VND và 60.000.000.000 VND, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6,9%/năm.

b) Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	5.438.000.000	6.219.655.005	5.438.000.000	7.275.926.591
	35.438.000.000	6.219.655.005	35.438.000.000	7.275.926.591

(*): Ngày 03/08/2016, Công ty Cổ phần Thương mại điện tử Lingo (là công ty liên kết của VMG) đã ban hành Quyết định giải thể Công ty với lý do gặp khó khăn trong kinh doanh và liên tục thua lỗ đến mức không có khả năng và triển vọng phục hồi. Số vốn đầu tư của VMG vào Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo tại thời điểm 31/12/2017 là 30.000.000.000 đồng. Trên Báo cáo tài chính riêng Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Lingo bằng 100% giá gốc khoản đầu tư, số tiền: 30.000.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Tầng 6, toà nhà Như Nguyễn, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	25,73%	25,73%	Dịch vụ truyền thông
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Tầng 4, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	20,00%	20,00%	Thương mại điện tử, dịch vụ loyalty

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	650.000.000	-	650.000.000	-
	650.000.000	-	650.000.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VietNamNet)	Số 15, ngõ 175/5/167 đường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1,14%	1,14%	Hoạt động thương mại

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a, Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội	2.920.173.968	118.137.510.781
Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị Gia tăng - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền thông	377.386.333	50.105.406.931
Ban Khách hàng Cá nhân - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	3.859.827.066	5.186.946.259
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	25.859.626.501	-
Trung tâm Dịch vụ Đa phương tiện và Giá trị Gia tăng Mobifone - Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	11.990.428.760	1.080.603.873
Phải thu của khách hàng khác	102.922.062.558	285.951.986.622
	147.929.505.186	460.462.454.466
b, Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	251.517.616	363.562.713

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn		
Công ty Cổ phần Sky Music	471.202.012	529.202.012
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du	-	2.019.000.000
Ban Khách hàng Tổ chức - Doanh nghiệp - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	1.139.289.200	-
Trung tâm Công nghệ Thông tin Mobifone - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	596.856.200	-
Trả trước cho người bán khác	2.621.540.352	3.512.829.368
	4.828.887.764	6.061.031.380

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	5.091.750	-	4.127.500	-
Tạm ứng	5.531.208.952	-	7.701.087.010	-
Ký cược, ký quỹ	208.934.299	-	39.736.942	-
Lãi tiền gửi dự thu	2.356.172.222	-	2.385.295.000	-
Phải thu khác	463.372.005	-	47.666.075.568	-
	8.564.779.228	-	57.796.322.020	-
b) Dài hạn				
Đặt cọc thuê văn phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Viễn Đông	1.162.549.202	-	1.556.551.104	-
Ký cược, ký quỹ	63.078.700	-	242.717.645	-
	1.225.627.902	-	1.799.268.749	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	52.894.543.202	-	101.446.128.901	-
	52.894.543.202	-	101.446.128.901	-

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.182.883.143	38.276.805.395	4.226.783.636	134.192.910	68.820.665.084
- Mua trong năm	-	214.763.634	2.164.863.182	-	2.379.626.816
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.600.000.000)	-	(1.600.000.000)
- Do phân loại lại	-	(222.380.400)	-	-	(222.380.400)
- Giảm do thanh lý Công ty con Epay	-	(8.805.309.038)	-	(134.192.910)	(8.939.501.948)
Số dư cuối năm	26.182.883.143	29.463.879.591	4.791.646.818	-	60.438.409.552
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.738.333.872	29.329.428.139	2.506.746.032	134.192.910	35.708.700.953
- Khấu hao trong năm	1.047.315.326	4.009.629.324	1.233.495.313	-	6.290.439.963
- Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.600.000.000)	-	(1.600.000.000)
- Phân loại lại khấu hao	-	(222.380.400)	-	-	(222.380.400)
- Giảm do thanh lý Công ty con Epay	-	(4.389.842.202)	-	(134.192.910)	(4.524.035.112)
Số dư cuối năm	4.785.649.198	28.726.834.861	2.140.241.345	-	35.652.725.404
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	22.444.549.271	8.947.377.256	1.720.037.604	-	33.111.964.131
Tại ngày cuối năm	21.397.233.945	737.044.730	2.651.405.473	-	24.785.684.148

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.259.954.789 VND.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.954.600.000	5.800.545.920	9.755.145.920
- Giảm do thanh lý Công ty con Epay	-	(2.022.212.920)	(2.022.212.920)
Số dư cuối năm	3.954.600.000	3.778.333.000	7.732.933.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	5.620.813.005	5.620.813.005
- Khấu hao trong năm	-	45.280.214	45.280.214
- Giảm do thanh lý Công ty con Epay	-	(1.956.660.214)	(1.956.660.214)
Số dư cuối năm	-	3.709.433.005	3.709.433.005
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.954.600.000	179.732.915	4.134.332.915
Tại ngày cuối năm	3.954.600.000	68.899.995	4.023.499.995

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 3.672.333.000 đồng.

(*) Giá trị quyền sử dụng đất: Là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ 96-98 đường Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất là 252,8 m² với mục đích sử dụng làm văn phòng và cho thuê.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	31.886.476	- 383.932.475
Chi phí trả trước của dịch vụ nhắn tin chăm sóc khách hàng trên mạng di động Vinaphone, Mobifone và Viettel	10.459.071.637	7.854.678.860
Chi phí thuê nhà	929.105.189	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.386.915.499	347.463.350
	12.806.978.801	8.586.074.685
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	114.391.341	593.824.825
Chi phí thuê văn phòng trả trước	-	1.774.484.928
Chi phí kỹ thuật iGate STB NTT tại OCG	821.902.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.479.383.779	1.635.939.383
	2.415.677.120	4.004.249.136

12 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	01/01/2017	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Lợi thế thương mại từ mua Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ IMEDIA (*)	4.946.826.350	-	(1.060.034.219)	3.886.792.131
	4.946.826.350	-	(1.060.034.219)	3.886.792.131

(*): Lợi thế thương mại từ mua Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ IMEDIA được phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong thời gian 5 năm từ tháng 9 năm 2016.

13 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại Công ty Cổ phần Truyền thông VMG	60.000.000.000	60.000.000.000	565.384.958.452	605.384.959.468	19.999.998.984	19.999.998.984
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	60.000.000.000	60.000.000.000	565.384.958.452	605.384.959.468	19.999.998.984	19.999.998.984
Tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện từ VNPT (EPAY)	1.055.631.864	1.055.631.864	1.642.488.038.537	1.643.543.670.401	-	-
	61.055.631.864	61.055.631.864	2.207.872.996.989	2.248.928.629.869	19.999.998.984	19.999.998.984

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Tại thời điểm 31/12/2017, khoản vay ngắn hạn Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội là khoản vay thấu chi theo Hợp đồng số 02/2016-HĐTD-HMTC NHCT146-VMG, thời hạn thanh toán nợ thấu chi không quá 1 tháng, lãi suất vay 5,5%/năm.

Khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi Việt Nam Đồng có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6%/năm.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a, Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Hiệp Minh	-	-	94.963.661.838	94.963.661.838
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển HQ Việt Nam	-	-	50.753.320.870	50.753.320.870
Công ty Phát triển Dịch vụ Giá trị Gia tăng - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền thông	6.034.251.540	6.034.251.540	28.926.686	28.926.686
Công ty Cổ phần CT&T	684.000.000	684.000.000	24.591.181.924	24.591.181.924
Công ty Cổ phần Công nghệ TNC Việt Nam	15.858.708.125	15.858.708.125	-	-
Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	33.329.353.564	33.329.353.564	-	-
Phải trả các đối tượng khác	9.987.030.975	9.987.030.975	65.984.678.979	65.984.678.979
	65.893.344.204	65.893.344.204	236.321.770.297	236.321.770.297
b, Phải trả người bán là các bên liên quan	170.697.861	170.697.861	207.303.118	207.303.118
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)				

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm do thanh lý Epay	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	7.750.745.971	1.550.972.538	9.192.577.104	-	109.141.405
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.558.299.587	86.964.163.169	70.808.747.831	1.235.602.921	21.478.112.004
Thuế Thu nhập cá nhân	1.801.694.881	13.171.323.051	13.805.743.402	43.682.367	1.123.592.163
Các loại thuế khác	364.933.161	3.951.431.213	4.142.258.910	63.438.868	110.666.596
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	16.475.673.600	105.640.889.971	97.952.327.247	1.342.724.156	22.821.512.168

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước phí lãi vay	-	43.916.667
Trích trước chi phí dịch vụ nội dung, quảng cáo, dịch vụ SMS, bản quyền nhạc	12.816.972.751	13.062.453.499
Chi phí phải trả khác	3.771.880.521	4.564.313.973
	16.588.853.272	17.670.684.139

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.651.176.311	3.005.718.571
- Bảo hiểm xã hội	-	1.341.700
- Bảo hiểm y tế	2.470.993	2.070.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	180.404.000	56.200.404.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.937.768.750	1.052.006.250
- Phải trả về dịch vụ thu hộ tại Epay	-	22.890.735.427
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	312.055.183	1.166.026.037
	6.083.875.237	84.318.301.985
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	700.661.099	357.995.900
	700.661.099	357.995.900

Công ty Cổ phần Truyền thông VMG

Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	203.930.000.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.724.309.103	136.567.250.052	34.266.781.076	615.741.290.231
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	67.050.000.000	67.050.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	82.433.740.624	8.933.731.777	91.367.472.401
Trả cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	-	(81.556.000.000)	-	(81.556.000.000)
Trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	(3.020.000.000)	(3.020.000.000)
Trích lập quỹ tại công ty con	-	-	-	-	(1.069.263.205)	(648.428.691)	(1.717.691.896)
Điều chỉnh khác	-	-	-	3.346	902.490.623	787.678.757	1.690.172.726
Số dư cuối năm trước	203.930.000.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.724.312.449	137.278.218.094	107.369.762.919	689.555.243.462
Số dư đầu năm nay	203.930.000.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.724.312.449	137.278.218.094	107.369.762.919	689.555.243.462
Lãi trong năm	-	-	-	-	316.664.795.156	4.798.652.074	321.463.447.230
Giảm lợi nhuận do thanh lý Công ty con Epay	-	-	-	-	-	(15.271.043.513)	(15.271.043.513)
Giảm phần vốn do thanh lý Epay trong năm	-	-	-	-	-	(45.300.000.000)	(45.300.000.000)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(405.463.884.695)	-	(405.463.884.695)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.878.384.695)	-	(7.878.384.695)
Chia cổ tức trên lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(78.409.657.990)	-	(78.409.657.990)
Chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận thu được từ việc bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) trong năm nay	-	-	-	-	(319.175.842.010)	-	(319.175.842.010)
Điều chỉnh khác	-	-	-	4.726	(1.847.195)	-	(1.842.469)
Số dư cuối năm nay	203.930.000.000	239.364.150.000	(111.200.000)	1.724.317.175	48.477.281.360	51.597.371.480	544.981.920.015

(*) Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 22/06/2017:

(1) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi mức tối đa bằng 15% lợi nhuận sau thuế năm 2016, nhưng không vượt quá 2,34 tháng lương thực hiện bình quân năm 2016.

(2) Chia cổ tức bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận thu được từ việc bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT và nguồn lợi nhuận để lại từ các năm trước.

Việc chi trả khoản cổ tức này được thực hiện theo Quyết định số 53/QĐ-HĐQT ngày 21/07/2017 và khoản cổ tức này đã được chi trả vào ngày 27/07/2017.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	28,30%	57.720.000.000	28,30%	57.720.000.000
NTT DOCOMO Inc	24,52%	49.999.980.000	24,52%	49.999.980.000
Yellow Star Investment 6 Pte. Ltd	22,07%	45.000.000.000	22,07%	45.000.000.000
Cổ đông khác	25,11%	51.210.020.000	25,11%	51.210.020.000
	100%	203.930.000.000	100%	203.930.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp đầu năm	203.930.000.000	203.930.000.000
- Vốn góp cuối năm	203.930.000.000	203.930.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	397.585.500.000	81.556.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	78.409.657.990	81.556.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay thu được từ việc bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY)	319.175.842.010	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.393.000	20.393.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.393.000	20.393.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.000	4.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000	4.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.389.000	20.389.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.389.000	20.389.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.724.317.175	1.724.312.449
	1.724.317.175	1.724.312.449

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
USD	69.884,52	14.552,49
EUR	151,09	162,01

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.970.985.905.734	3.552.558.439.236
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.265.214.828.847	3.753.641.444.935
	4.236.200.734.581	7.306.199.884.171
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	1.186.634.462	3.157.975.460

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.961.690.662.589	3.540.543.749.957
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.230.225.082.914	3.620.729.672.492
	4.191.915.745.503	7.161.273.422.449

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.421.561.639	28.236.497.751
Lãi bán các khoản đầu tư (*)	419.305.763.867	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.275.000.000	2.550.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	498.630	37.424.781
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	-	7.840.697
Lãi chiết khấu thanh toán	1.750.471.900	-
	452.753.296.036	30.831.763.229

(*) Ngày 16/05/2017, Công ty Cổ phần Truyền thông VMG đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) cho Hiệp hội đầu tư Global Payment Service. Chi tiết như sau:

	VND
Doanh thu:	519.187.815.751
Giá phí khoản đầu tư:	74.700.000.000
Giá trị tài sản thuần tương ứng với phần lợi ích của Công ty tại thời điểm chuyển nhượng	25.182.051.885
Chi phí tư vấn (thuyết minh 23)	45.518.013.239
Lợi nhuận trước thuế	373.787.750.627

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.406.509.241	3.010.247.477
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	580.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	649.735	-
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính (*)	45.518.013.239	-
Chi phí tài chính khác	-	1.401.702
	47.925.752.215	3.011.649.179

(*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY) cho Hiệp hội đầu tư Global Payment Service (chi tiết tại thuyết minh số 22).

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.867.170	23.574.682
Chi phí nhân công	8.507.890.241	12.457.579.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	846.604.117	308.413.822
Chi phí khác bằng tiền	486.061.956	308.081.334
	9.888.423.484	13.097.649.372

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.034.299.697	1.754.072.786
Chi phí nhân công	17.649.001.506	22.668.003.411
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.439.987.177	2.543.101.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.344.599.926	6.781.675.475
Chi phí khác bằng tiền	2.086.809.404	5.322.839.355
	31.554.697.710	39.069.692.203

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	661.363.636	385.630.816
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý công cụ, dụng cụ	-	3.000.000
Thu nhập khác	1.377.001.700	55.256.197
	2.038.365.336	443.887.013

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập chịu thuế TNDN		
Tại Công ty Cổ phần Truyền thông VMG	417.594.422.183	62.140.995.952
Tại Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY)	17.198.112.114	32.065.443.012
Tại Công ty Cổ phần Công nghệ OCG	(820.735.656)	(1.337.915.182)
Tại Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Imedia	28.281.546	(201.793.020)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	86.964.163.169	18.800.929.188
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	625.133
Tổng chi phí thuế TNDN	86.964.163.169	18.801.554.321
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.558.299.587	13.671.134.649
Thuế TNDN phải nộp giảm do thanh lý công ty con Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (EPAY)	(1.235.602.921)	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(70.808.747.831)	(17.115.045.202)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	21.478.112.004	15.357.643.768

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ việc hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	6.000.000.000	6.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	6.000.000.000	6.000.000.000

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính	-	6.000.000.000
	-	6.000.000.000

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	316.664.795.156	82.433.740.624
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	316.664.795.156	82.433.740.624
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.389.000	20.389.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.531	4.043

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

30 . CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.830.793.339	2.788.902.835
Chi phí nhân công	62.504.695.196	67.640.781.603
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.395.754.396	12.318.442.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.193.204.178.248	3.579.868.032.686
Chi phí khác bằng tiền	6.580.468.506	10.280.854.569
	2.271.515.889.685	3.672.897.014.067

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.446.257.809	-	154.617.651.634	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	157.719.912.316	-	520.058.045.235	-	-
Các khoản cho vay	248.853.313.194	-	333.571.000.000	-	-
Cho vay dài hạn	110.000.000.000	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	650.000.000	-	650.000.000	-	-
	591.669.483.319	-	1.008.896.696.869	-	-
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ			19.999.998.984		61.055.631.864
Phải trả người bán, phải trả khác			72.677.880.540		320.998.068.182
Chi phí phải trả			16.588.853.272		17.670.684.139
			109.266.732.796		399.724.384.185

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.446.257.809	-	-	74.446.257.809
Phải thu khách hàng, phải thu khác	156.494.284.414	1.225.627.902	-	157.719.912.316
Các khoản cho vay	248.853.313.194	-	-	248.853.313.194
Cho vay dài hạn	-	110.000.000.000	-	110.000.000.000
	479.793.855.417	111.225.627.902	-	591.019.483.319
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.617.651.634	-	-	154.617.651.634
Phải thu khách hàng, phải thu khác	518.258.776.486	1.799.268.749	-	520.058.045.235
Các khoản cho vay	333.571.000.000	-	-	333.571.000.000
	1.006.447.428.120	1.799.268.749	-	1.008.246.696.869

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	19.999.998.984	-	-	19.999.998.984
Phải trả người bán, phải trả khác	71.977.219.441	700.661.099	-	72.677.880.540
Chi phí phải trả	16.588.853.272	-	-	16.588.853.272
	108.566.071.697	700.661.099	-	109.266.732.796
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	61.055.631.864	-	-	61.055.631.864
Phải trả người bán, phải trả khác	320.640.072.282	357.995.900	-	320.998.068.182
Chi phí phải trả	17.670.684.139	-	-	17.670.684.139
	399.366.388.285	357.995.900	-	399.724.384.185

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo hình thức thấu chi ngân hàng:	2.207.872.996.989	3.206.870.370.138
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo hình thức thấu chi ngân hàng:	2.104.460.044.451	3.154.976.832.051

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán hàng và khác	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.970.854.531.923	2.265.214.828.847	4.236.069.360.770
Giá vốn hàng bán	1.961.690.662.589	2.230.225.082.914	4.191.915.745.503
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.163.869.334	34.989.745.933	44.153.615.267
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	2.379.626.816
Tài sản không phân bổ	-	-	710.254.647.438
Tổng tài sản	-	-	710.254.647.438
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	159.272.727.423
Tổng nợ phải trả	-	-	159.272.727.423

Theo khu vực địa lý

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
Cung cấp dịch vụ		1.186.634.462	3.157.975.460
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	Công ty liên kết	-	1.002.890.610
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	1.186.634.462	2.155.084.850
Mua hàng hóa, dịch vụ		850.340.043	1.912.860.380
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	850.340.043	1.912.860.380

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		251.517.616	363.562.713
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	251.517.616	363.562.713
Phải trả cho người bán ngắn hạn		170.697.861	207.303.118
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPlus	Công ty liên kết	170.697.861	207.303.118

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.745.684.654	2.526.751.088
Trong đó thu nhập của Tổng Giám đốc	1.823.258.182	1.978.334.616

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Minh Hiền
Người lập



Dương Thị Thương
Kế toán trưởng



Trần Bình Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

